

CÁC CẶP QUAN HỆ TỪ TIẾNG VIỆT TRONG THIÊN NAM NGŨ LỤC - THẾ KỶ XVII

THE PAIRS OF VIETNAMESE EMPTY WORDS IN THIEN NAM NGU LUC – THE 17TH CENTURY

Bùi Duy Dương

Bui Duy Duong

東京外国語大学世界言語社会教育センター

World Language and Society Education Centre, Tokyo University of
Foreign Studies

Abstract

This paper deals with 27 the pairs of Vietnamese empty words in the Nom script text “Thiên Nam ngữ lục” in the 17th Century. We have analysed and pointed out semantic, grammatical features of words mentioned above to contribute to understand the 17th Century pairs of Vietnamese empty words and to understand the developing process of them from the 17th Century to the present. They have the ability of connection between words and words or connection between the component sentences, between sentences together. This is an important basis to the creation of prose verses in the prose works Nom script in the following centuries.

Keywords: the pair of Vietnamese empty words, semantic, grammar, Nom script text 17th Century, the developing process

Tóm tắt

Bài viết thống kê 27 cặp quan hệ từ xuất hiện trong tác phẩm Thiên Nam ngữ lục thế kỷ XVII. Chúng tôi đã phân tích, chỉ ra các đặc điểm ý nghĩa, chức năng ngữ pháp của các cặp quan hệ nêu trên để góp phần tìm hiểu hệ thống ngữ pháp thế kỉ XVII. Đồng thời, tìm hiểu sự biến đổi của



chúng so với hiện nay. Những cặp quan hệ từ đó đã đóng vai trò quan trọng để nối các từ ngữ hoặc các vế câu trong một câu với nhau nhằm thể hiện mối quan hệ logic giữa chúng. Đây là tiền đề quan trọng, góp phần tích cực trong việc tạo lập các câu văn xuôi trong các tác phẩm văn xuôi chữ Nôm những thế kỷ sau này.

Từ khóa: cặp quan hệ từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa, thơ Nôm thế kỷ 17, sự biến đổi

I. Dẫn nhập

Nghiên cứu hư từ thuộc những thời kì đã lùi vào lịch sử chính là góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt về mặt ngữ pháp, góp phần vào việc tìm hiểu các văn bản cổ – một bộ phận của di sản văn hóa dân tộc. Đồng thời, những nghiên cứu này sẽ đóng góp thêm tư liệu lịch sử nhằm làm rõ hơn những đặc trưng ngôn ngữ đơn lập của tiếng Việt như: ngữ pháp hóa, tình thái hóa, tri nhận và sự vận động phát triển nghĩa trong ngữ pháp... Ở Việt Nam, gần đây, một số nhà Việt ngữ học đã nghiên cứu hư từ trong các văn bản cổ như Vũ Đức Nghiệu (*Hư từ tiếng Việt thế kỷ XV trong Quốc âm thi tập và Hồng Đức quốc âm thi tập, Tạp chí Ngôn ngữ số 12(211) (2006)*, N.V.Stankevitch (*Vài nhận xét về các hư từ tiếng Việt thế kỷ XVI (tư liệu rút từ Truyền kì mạn lục giải âm), Tạp chí Ngôn ngữ số 9(208) (2006)*... Trong bài nghiên cứu của Vũ Đức Nghiệu, ông đã viết: “trong Quốc âm thi tập và Hồng Đức Quốc âm thi tập còn có một thực tế hết sức đáng chú ý nữa là: vào thời của hai tác phẩm này, tiếng Việt đã có và sử dụng nhiều cặp hư từ kết hợp với nhau để tạo lập những cấu trúc ngôn ngữ phức hợp, thể hiện những liên hệ phức hợp về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng”. Những dòng viết đó đã gợi mở cho chúng tôi đi tìm hiểu những cặp hư từ (quan hệ từ) trong các tác phẩm văn thơ Nôm trung đại còn lại cho đến ngày nay, cụ thể trong bài viết này là tác phẩm thơ Nôm thế kỷ XVII “Thiên Nam ngữ lục”.

II. Các cặp quan hệ từ tiếng Việt trong Thiên Nam ngữ lục

1. Kết quả thống kê

Theo cách hiểu phổ biến hiện nay, quan hệ từ là những hư từ diễn đạt các quan hệ logic dùng để nối các từ, các cụm từ, các câu với nhau. Chúng không phải để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp của

thực từ mà được dùng làm công cụ để thể hiện các quan hệ logic trong tư duy của người bản ngữ được biểu đạt thông qua ngôn ngữ.

Trong quan hệ từ, chúng ta cũng thấy xuất hiện các cặp quan hệ từ. Đó là những cặp quan hệ từ dùng để nối các từ ngữ hoặc các vế câu trong một câu với nhau nhằm thể hiện mối quan hệ ý nghĩa giữa những từ ngữ hoặc những vế câu ấy. Những cặp quan hệ từ đó biểu thị quan hệ logic trong tư duy của con người như quan hệ điều kiện, giả thiết – kết quả (*nếu...thì..., giả...thì...*), quan hệ nguyên nhân – kết quả (*vì...nên..., nhờ...mà...*), quan hệ tăng tiến (*càng...càng..., không chỉ...mà còn...*), quan hệ tương phản, đối lập (*tuy...nhưng..., mặc dù...nhưng...*)...

Tiếp thu thành quả nghiên cứu về các cặp quan hệ từ của những người đi trước, kết hợp với việc tra cứu những từ điển từ công cụ tiếng Việt, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê các cặp quan hệ từ xuất hiện trong tác phẩm Thiên Nam ngữ lục.

Thiên Nam ngữ lục (TNNL) là tác phẩm thơ Nôm, nói về lịch sử nước Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến thời Hậu Trần. Với 8136 câu thơ lục bát, trên năm vạn rưỡi chữ Nôm, TNNL trở thành tác phẩm thơ Nôm dài nhất thời trung đại. *Đây được coi là tập thơ Nôm đồ sộ nhất trong kho tàng văn học trung đại Việt Nam.* Theo nghiên cứu của nhiều học giả, TNNL xuất hiện vào cuối thế kỷ XVII. Tác giả TNNL hiện vẫn được coi là khuyết danh. Từ lâu, TNNL đã nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu trên nhiều phương diện như văn học, văn bản học, ngôn ngữ học...vì đây là một văn bản đáng tin cậy của thơ Nôm thế kỷ XVII còn lại cho đến ngày nay.

Dựa trên bản phiên âm của Nguyễn Thị Lâm, chúng tôi tiến hành thống kê các cặp quan hệ từ được sử dụng trong tác phẩm TNNL và tần số xuất hiện của chúng. Cụ thể như sau:

STT	Cặp quan hệ từ trong TNNL	Tần số xuất hiện
1.	<i>bao nhiêu ... bấy nhiêu ...</i>	1
2.	<i>bao giờ ... bấy giờ ...</i>	1
3.	<i>Càng...càng...</i>	4
4.	<i>Chẳng... chẳng...</i>	56
5.	<i>Chẳng....thì...</i>	3
6.	<i>Chứa/chưa ... chứa/chưa...</i>	6
7.	<i>Dầu....thì...</i>	1
8.	<i>Đã...đâu...</i>	1
9.	<i>Đã...lại...</i>	24
10.	<i>Đã...thì....</i>	1

11.	<i>Đầu...đây....</i>	8
12.	<i>Đấy... đó....</i>	1
13.	<i>Hễ...thì...</i>	1
14.	<i>Hòa...hòa...</i>	10
15.	<i>Hòa...lại...</i>	1
16.	<i>Khi...thì....</i>	7
17.	<i>Một... một... (mỗi...mỗi...)</i>	5
18.	<i>Một... một... (càng....càng)</i>	2
19.	<i>Nếu...thì...</i>	4
20.	<i>Nhân...phải...</i>	2
21.	<i>Tự/ từ...đến...</i>	8
22.	<i>Từ....nhân...</i>	5
23.	<i>Tuy...cũng...</i>	1
24.	<i>Tuy...song...</i>	4
25.	<i>Vì...nên...</i>	2
26.	<i>Vì....phải...</i>	3
27.	<i>Vì....thời (thì)...</i>	1

2. Phân tích các cặp quan hệ từ

Dựa vào bảng thống kê các cặp quan hệ từ trong tập thơ Nôm *Thiên Nam ngữ lục* thế kỷ XVII nêu trên, chúng tôi chia các cặp quan hệ từ đó thành những tiểu loại cụ thể:

* Cặp quan hệ từ giả thiết – kết quả, điều kiện – kết quả: xuất hiện 05 trường hợp, ví dụ:

- Nếu...thì (thời)... 4345. *Thế bằng chồng trướng khôn an, 4346. Nếu để thời lỡ, nếu tan thời hoài*

- Ví thời (thì).... 4407. *Ví thầy có lòng nga hôm, 4408. Thời nàng chịu họa cho cam lòng thầy.*

- Dầu ...thì..... 7267. *Người dầu còn có nghi lòng, 7268. Thì người theo tớ đi lên rừng này.*

- Hễ...thì.... 4583. *Hễ ngày sóc vọng đến kỳ, 4584. Oản dâng cúng Phật nghỉ thì ăn sơ.*

- Khi...thì.... 7989. *Kìa ai có chút tài chi, 7990. Nước khi gặp loạn mình thì kể công.*

* Cặp quan hệ từ nguyên nhân – kết quả: xuất hiện 03 trường hợp, ví dụ:

- Nhân...phải... 5123. *Rồi nhân phạt nhân điểm khai, 5124. Đã phải có người đến học phép tiên.*

- Vì....nên..... 4189. *Tướng quân ở trước trăm quan, 4190. Chẳng toan vì nước sấm toan nên lòng.*

- Vì....phải 7823. *Mổ lấy gan ra làm canh, 7824. Giận vì chửi nhục cho mình phải thương*

* Cặp quan hệ từ tăng tiến: xuất hiện 06 trường hợp, ví dụ:

- Bao nhiêu ... bấy nhiêu ... 491. *Ấm bao nhiêu, rét bấy nhiêu*, 492. *Vườn Chu ải giậu, Tàn trèo đặng hoa*

- Càng...càng... 271. *Biên thư tẩu đến Hùng Vương*, 272. *Cắt quân chống với càng ngày càng thua*.

- Một... một 4635. *Trị vì được bốn năm rày*, 4636. *Tật nặng một ngày là một sinh ra*.

- Đã...lại.... 1197. *Hán Văn nhân đức ai tày*, 1198. *Đã hay nhu đạo, lại hay hoài hầu*.

- Đã...thì.... 4313. *Chẳng ngờ mộc lạc đến kỳ*, 4314. *Nhà đà (đã) vô phúc, Đình thì gian ngoan*.

- Hòa...lại... 5827. *Tiệc vua hoà lại tiệc đời*, 5828. *Trẻ già thâm thiết, gái trai ngạt ngào*.

* Cặp quan hệ từ tương phản: xuất hiện 02 trường hợp, ví dụ:

- Tuy...song.... 2261. *Tuy chưa có chức quyền chi*, 2262. *Song bề khuôn phép khác chi vương hầu*.

- Tuy...cũng... 5109. *Tuy chẳng một mẹ sinh ra*, 5110. *Người trong bốn bề cũng là anh em*.

* Cặp quan hệ từ đồng thời: xuất hiện 04 trường hợp, ví dụ:

- Đâu...đấy... 3903. *Nào ai còn nhớ nghĩa thầy*, 3904. *Mạnh đâu cứ đấy, mùa may anh hùng*.

- Đây...đó... 1877. *Rày đây mai đó tương liên*, 1878. *Kẻ tham thời có kẻ hiền thời không*.

- Bao giờ ... bấy giờ ... 1425. *Bao giờ thì hay bấy giờ*, 1426. *Mãn nhiệm có kỳ kẻ khác lại sang*.

- Hòa...hòa.... 7129. *Thái tử Trần Ngung lớn lên*, 7130. *Có đức hoà hiền, có trí hoà khôn*.

* Cặp quan hệ từ nhấn mạnh ý nghĩa phủ định: xuất hiện 04 trường hợp, ví dụ:

- Chẳng...chẳng... 519. *Hùng vương sắc dục mê say*, 520. *Chính chẳng thấy trì ,trị chẳng thấy coi*.

- Chẳng....thì...2603. *Được thời toan cho kịp thì*, 2604. *Trời cho chẳng lấy lại thì trách ai*.

- Chừa/chưa ... chừa/chưa... 7067. *Quan quân chừa kịp trở tay*, 7068. *Ngựa nay chừa thắng, voi nay chừa bành*.

- Đã...đâu... 3161. *Như ai đã hẹn ai đâu*, 3162. *Qua miền Thượng Phúc tới cầu Ba Trắng*

* Cặp quan hệ từ chỉ không gian, thời gian: xuất hiện 03 trường hợp, ví dụ:

- Đây...đó... 1877. *Rày đây mai đó tương liên*, 1878. *Kẻ tham thời có kẻ hiền thời không*.

- Từ/ từ...đến...4893. *Chặt đường một tháng những binh*, 4894. *Từ chợ đến thành như hội Tàn vương*.

- Từ....nhấn...2099. *Từ Ngô cướp nước nhấn nay*, 2100. *Tấn sai Hoắc Dặc liền rày người*

Dung.

Có thể nói rằng, từ thế kỉ XVII đến nay, nhìn chung các cặp quan hệ từ tiếng Việt không biến đổi hoặc biến đổi rất ít về ý nghĩa và chức năng của chúng. Tuy nhiên, chính những sự biến đổi ít nhiều đó sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về sự phát triển của tiếng Việt, đặc biệt các từ công cụ ngữ pháp trong tiến trình lịch sử. Chúng tôi nhận thấy có những cặp quan hệ từ đã mất đi hoàn toàn, cũng có những cặp quan hệ từ đã biến đổi các thành tố của nó. Đó là những trường hợp sau:

* Cặp quan hệ từ "*hoà ... hoà...*" đã biến mất, hoàn toàn không được sử dụng trong tiếng Việt hiện đại. Chúng ta có thể coi đó là cặp quan hệ từ cổ, nay đã được thay thế bằng cặp quan hệ từ khác. Cặp quan hệ từ này xuất hiện phổ biến trong văn bản thế kỷ XVII để biểu thị ý nghĩa "có hành động, trạng thái, tính chất xảy ra đồng thời". Ví dụ: 55. *Thời cho đích trưởng làm tiên*, 56. *Hướng nay thái tử hòa hiền hòa khôn*.

Nhìn theo quá trình diễn biến lịch sử tiếng Việt, chúng ta thấy sự biến đổi từ "*hoà ... hoà...*" nay được thay thế bằng cách dùng "*vừa ... vừa ...*" có ý nghĩa tương đương về ngữ nghĩa và chức năng.

* Cặp quan hệ từ "*một...một*" cũng là một cặp quan hệ từ cổ, hiện nay không còn được sử dụng nữa. Cặp "*một...một...*" là cặp quan hệ từ so sánh song tiến, xuất hiện 2 lần trong tập thơ, cụ thể:

- 4635. *Trị vì được bốn năm rày*, 4636. *Tật nặng một ngày là một sinh ra*.

- 3955. *Một ngày là một tốt tươi*, 3956. *Dung nhan diện mạo khác người phạm dân*.

Trong hai ví dụ trên, cặp quan hệ từ "*một...một...*" đều thể hiện ý nghĩa tăng tiến theo thời gian như "*càng ngày càng...*" trong tiếng Việt hiện nay.

Một điểm đáng lưu ý là chúng ta cũng thấy xuất hiện 04 lần cặp quan hệ từ "*càng...càng...*" với ý nghĩa tương tự cặp quan hệ từ "*một...một...*" trong TNNL. Đây là những cặp quan hệ từ đồng nghĩa. Ở đây, chúng ta thấy xuất hiện sự phân bố bổ sung của các cặp quan hệ từ đồng nghĩa. Đó là quá trình thay thế dần dần cặp quan hệ từ "*một...một...*" bằng cặp quan hệ từ "*càng...càng...*" trong thế kỷ XVII, để rồi theo thời gian, cho đến tiếng Việt hiện nay, cặp quan hệ từ "*càng...càng...*" đã hoàn toàn chiếm ưu thế, thay thế cho cặp quan hệ từ "*một...một...*".

Sự phân bố bổ sung trên còn được thể hiện qua sự xuất hiện của cặp quan hệ từ "*từ...nhấn...*" và "*từ...đến...*" trong TNNL. Hiện nay, trong tiếng Việt hiện đại, cặp quan hệ từ "*từ...đến...*" đã hoàn toàn thay thế cho "*từ...nhấn...*".

Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy sự xuất hiện của những cặp quan hệ từ đồng âm khác nghĩa. Trong TNNL còn xuất hiện cặp quan hệ từ "*một...một...*" nhưng với ý nghĩa khác. Đó là: 4107.

Bình đặt có vệ , có cơ, 4108. Một ngừ một cò, một hiệu một voi. Ở đây cặp quan hệ từ này muốn nhấn mạnh ý nghĩa của từng cá thể. Hiện nay, chúng ta thường sử dụng cặp quan hệ từ “mỗi...một...” để thể hiện ý nghĩa này.

* Cặp quan hệ từ “*hòa ... lại ...*” xuất hiện 01 lần trong TNNL: 5827. *Tiểu vua hoà lại tiểu đời, 5828. Trẻ già thăm thiết, gái trai ngạt ngào.* So với hiện nay, cặp quan hệ từ này đã có sự biến đổi thành tố của nó. Từ “hòa” đã trở thành từ cổ và được thay thế bằng từ “vừa”. Hiện nay cặp quan hệ từ phổ biến là “vừa...lại...” để thể hiện sự tăng tiến, nhấn mạnh. Trong tiếng Việt hiện nay, không khó để chúng ta gặp những câu sử dụng cặp quan hệ từ này: “*vừa đẹp trai lại học giỏi*”, “*vừa tốt bụng lại ngoan hiền*”...

* Cặp quan hệ từ “*tuy...song.....*” xuất hiện 04 lần trong TNNL, ví dụ: 4417. *Tuy rằng rách rưới lạc loài, 4418. Song bề nhan sắc kém ai chút nào.* Giống cặp quan hệ từ trên, cặp quan hệ từ “tuy...song...” đã có sự biến đổi thành tố của nó. Từ “song” hiện nay chỉ xuất hiện đôi chút trong lời nói nệ cổ, “giả cổ”, ví dụ như: *song le*. Còn về cơ bản, từ “song” đã được thay thế hoàn toàn bằng từ “nhưng”, trong cặp quan hệ từ “tuy...nhưng...” rất phổ biến trong tiếng Việt hiện nay.

III. Kết luận

Trong tác phẩm Thiên Nam ngữ lục thế kỷ XVII, chúng ta đã thấy xuất hiện 27 cặp quan hệ từ. Tất nhiên đây không thể coi là toàn bộ các cặp quan hệ từ được sử dụng trong tiếng Việt thế kỷ XVII, nhưng qua đó, phần nào chúng ta thấy được hoạt động ngữ pháp của những từ ngữ công cụ này trong văn bản tiếng Việt lúc bấy giờ. Hiện nay, phần lớn các cặp quan hệ từ đó vẫn còn được sử dụng trong tiếng Việt, một số ít đã trở thành những cặp quan hệ từ cổ hoặc biến đổi ít nhiều các thành tố của nó.

Các cặp quan hệ từ đó đã thể hiện khá đầy đủ chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa của chúng để phục vụ cho ngôn ngữ văn học chữ Nôm lúc đó. So với hiện nay, những chức năng đó của chúng dường như ít bị thay đổi. Như vậy, có thể nói những cặp quan hệ từ đó đã đóng vai trò quan trọng, là bộ công cụ ngữ pháp có đủ năng lực để phục vụ cho hoạt động ngôn ngữ, tạo lập văn bản, nhất là văn bản văn học. Đây là tiền đề quan trọng, góp phần tích cực trong việc tạo lập các câu văn xuôi trong các tác phẩm văn xuôi chữ Nôm những thế kỷ sau này.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tài Cẩn. 2004. Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng – từ ghép – đoản ngữ)(in lần thứ 7), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Đinh Văn Đức. 2001. Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)(in lại và có bổ sung), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Thiện Giáp. 2011. Vấn đề “từ” trong tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội
- Nguyễn Thị Lâm. 2001. Thiên Nam ngữ lục (thơ Nôm) (khảo cứu, sưu tầm, biên soạn), Nxb Văn học, Hà Nội.
- Vũ Đức Nghiệu. 2006. Hư từ tiếng Việt thế kỉ XV trong Quốc âm thi tập và Hồng Đức quốc âm thi tập. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 12/2006: 1 – 14.
- Vũ Đức Nghiệu. 2011. Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Hoàng Phê (chủ biên). 2006. Từ điển tiếng Việt (in lần thứ 12), Nxb Đà Nẵng.
- Stankevich, N.V. 2006. Vài nhận xét về các hư từ tiếng Việt thế kỷ 16 (Tư liệu rút từ Truyền kì mạn lục giải âm). *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 9/2006: 1 - 9.
- Đỗ Thanh. 1998. Từ điển từ công cụ tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội.